

# Một hành động pháp lý mạnh mẽ và nhất quán

Đình Hoàng Thắng

**Vài lời phi lộ:** Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Hợp tác Quốc tế (ICCC) Đình Hoàng Thắng trực thuộc Viện Pháp luật, Chính sách và Phát triển (PLD), đã trao đổi với các báo Văn Nghệ, Tầm Nhìn và Nhịp Cầu Thế Giới (thực hiện gián cách từ hàng chục đến hàng vạn cây số) về Công hàm 22/HC-2020 từ Cơ quan Đại diện của Việt Nam bên cạnh Liên hiệp quốc gửi Tổng thư ký LHQ. Những chỗ tô vàng bên dưới là các đoạn trong nước “đọc, cắt và điều chỉnh”. Xem vậy để thấy con đường “giãn Trung”, kiện Tàu ra toà án quốc tế còn lắm gian truân. Khó khăn không chỉ đến từ Trung Quốc, tất nhiên, mà còn do những cản trở trong việc thấp lên ngọn lửa của lẽ thật và đột phá tư duy. Viet-studies xin đăng lại đầy đủ toàn văn bài trả lời phỏng vấn:

*1) Hiếm khi được đọc tận mắt một công hàm chính thức của Cơ quan đại diện ta (CQDD) gửi cho các chính phủ, như công hàm do CQDD Việt Nam tại New York gửi Tổng thư ký Liên hiệp quốc (LHQ) ngày 30/3/2020 vừa qua. Thưa ông, tại sao công hàm ấy lại không có chữ ký?*

Công hàm là văn kiện ngoại giao chính thức trong trao đổi giữa các chính phủ, hay giữa chính phủ với các tổ chức quốc tế, thông qua Bộ Ngoại giao hoặc trực tiếp. Các công thư này có nhiều hình thức: Công hàm, Công hàm ngoại giao và Biên bản ghi nhớ, hay còn gọi là Văn bản lưu ý... (Memorandum hay Reminder / Aide-Mémoire).

Nội dung nhằm thông báo, yêu sách hay phản đối hoạt động hay sự kiện, hoặc vấn đề có liên quan, mà cả hai hay nhiều bên cùng quan tâm. Công hàm được soạn thảo ở ngôi thứ ba, đa phần không ký tên và chỉ đóng dấu treo của CQDD. Công hàm 22/HC-2020 đệ trình lên LHQ ngày 30/3/2020 vừa qua là một văn kiện ngoại giao có hình thức cao như thế.

*2) Nội dung và ý nghĩa của các công hàm là gì?*

Công hàm Trung Quốc bác bỏ các công hàm của Malaysia (gửi ngày 12/12/2019) và của Philippines (gửi ngày 6/3/2020), liên quan đến việc xin công nhận phần thềm lục địa mở rộng trên Biển Đông đối với Malaysia, còn với Philippines thì dẫn lại phán quyết của Toà Trọng tài thường trực (CPA) năm 2016 để khẳng định chủ quyền đối với nhóm đảo Kalayaan.

Công hàm của Việt Nam có nội dung và ý nghĩa: i) tuyên bố trước toàn thế giới về lập trường phi pháp của Trung Quốc tại Biển Đông; ii) khẳng định

chủ quyền, quyền chủ quyền hợp pháp của Việt Nam tại Biển Đông; iii) tạo lập chứng cứ về lập trường pháp lý của Việt Nam khi đưa vụ việc ra giải quyết trước cơ quan tài phán quốc tế; iv) phản ánh rõ ràng nguyện vọng và ý chí quyết liệt của nhân dân Việt Nam đối với chủ quyền biển đảo của Tổ quốc tại Biển Đông.

Công hàm phản bác của ta là sự tiếp nối những gì đã diễn ra từ năm 2009 khi các quốc gia đến kỳ phải nộp hồ sơ lên Ủy ban về giới hạn thềm lục địa của LHQ. Vào thời điểm đó, Việt Nam và Malaysia cũng từng nộp chung hồ sơ lên Ủy ban này, nhưng Trung Quốc đã chính thức lên tiếng phản đối.

Như vậy, công hàm Việt Nam đã thể hiện được ý chí mạnh mẽ, lập trường chính trị – pháp lý rõ ràng, không hề coi việc Trung Quốc chiếm đóng bằng vũ lực các đảo và các cấu trúc của mình là hợp pháp. Điều này cho thấy chính phủ quyết tâm và có hành động kịp thời để bảo vệ chủ quyền biển đảo tại Biển Đông.

Không chấp nhận tư duy “vay mượn từ tương lai”, tức là cho rằng, thế hệ này không đòi lại được Hoàng Sa thì con cháu sẽ đòi. Không! Công việc này phải được bắt đầu ngay từ bây giờ, bởi thế hệ chúng ta và bằng các công cụ, thiết chế của LPQT.

*3) Đúng là một “cuộc chiến về công hàm”. Các công hàm đối lại nhau như thế có ý nghĩa gì? Công hàm của Việt Nam có ảnh hưởng tới sự phối hợp cùng hành động của Philippines và Malaysia với Việt Nam liên quan tới các vấn đề chủ quyền, quyền chủ quyền ở Biển Đông hay không?*

Trong đấu tranh pháp lý, khi đồng ý đưa nhau ra trước các cơ quan tài phán quốc tế thì câu chuyện ở đây là mức độ thoả hiệp. Tuy phức tạp, nhưng Việt Nam và hai nước ASEAN kia có khả năng tìm được phương cách thoả hiệp, dung hoà được các lợi ích của nhau.

Việc đệ trình công hàm 30/3 nêu rõ quan điểm pháp lý của chúng ta từ trước tới nay là cần thiết, thể hiện lập trường nhất quán của Việt Nam, bác bỏ mọi yêu sách phi pháp của Trung Quốc. Còn Malaysia là bên khởi đầu, với việc yêu sách thềm lục địa mở rộng ngày 12/12/2019, dẫn tới việc các nước liên quan ra công hàm thể hiện quan điểm của mình.

Nhưng dường như trong công hàm ngày 6/3/2020 của Philippines lẫn công hàm ngày 30/3/2020 của Việt Nam đều không nhấn mạnh đến nội dung bác bỏ lập trường của Malaysia, mà chủ yếu tập trung để phản đối lập trường Trung Quốc.

Đặc biệt, công hàm ngày 30/3/2020 của Việt Nam tập trung vào những yêu sách bất hợp pháp của Trung Quốc đối với các đảo và các vùng biển lân cận tại Biển Đông. Cụ thể đã không bác bỏ những đề nghị của Philippines và Malaysia với Ủy ban Thềm lục địa LHQ về ranh giới ngoài thềm lục địa của những nước này vượt quá phạm vi 200 hải lý.

Thực tế địa dư, địa hình và địa mạo ở đáy Biển Đông là yếu tố tự nhiên tạo nên một số khác biệt trong các yêu sách chính đáng, phù hợp Công ước LHQ về Luật Biển (UNCLOS-1982) giữa Việt Nam, Malaysia, Philippines, Indonesia, Brunei, cả Đài Loan và một phần nào đó cả Trung Quốc nữa (do sự hiện diện của đảo Hải Nam). Những khác biệt này tạo ra sự tranh chấp giữa các quốc gia.

Việt Nam luôn nhận thức được điều đó và trong các tuyên bố từ trước đến nay luôn bày tỏ sẵn sàng đàm phán, thỏa thuận giải quyết tranh chấp với các nước trên cơ sở và phù hợp với UNCLOS-1982. Ngoại trừ Trung Quốc, các quốc gia còn lại ven Biển Đông, ở những mức độ khác nhau, cũng thể hiện thiện chí giải quyết tranh chấp phù hợp với Công ước.

Vì vậy, không có lý do gì để hoài nghi, công hàm ngày 30/3/2020 của ta có thể ảnh hưởng tới quan hệ giữa Việt Nam với Philippines và Malaysia. Điều này thể hiện rõ nét qua sự kiện gần đây sau khi công hàm ngày 30/3/2020 của ta được công bố, thì Bộ Ngoại giao Philippines vẫn tuyên bố ủng hộ Việt Nam, phản đối sự kiện tàu hải cảnh của Trung Quốc ngày 2/4/2010 đâm chìm tàu cá của ngư dân Việt Nam.

Tình hình trên đây cho thấy, dường như cả ba quốc gia thành viên ASEAN đã lượng định trước được những lợi ích trùng hợp. Cho nên dù cả ba đều giữ lập trường của mình, nhưng vẫn tìm được các biện pháp thỏa hiệp, trong khi vẫn phản bác các luận điệu của Trung Quốc bằng công hàm của mỗi nước.

Khác với Trung Quốc là bên luôn đòi chủ quyền trên 90% toàn bộ Biển Đông và dứt khoát không chịu đàm phán đa phương, chỉ chấp nhận ngồi với từng nước. Một trong những thâm ý của Trung Quốc là, sau khi giành được ít nhất 50% biển đảo trong mặc cả với mỗi nước, Trung Quốc sẽ có “cổ đông” lớn nhất, thâm tóm hầu hết khoáng sản trong lòng và dưới đáy đại dương. Bằng cách ấy, phần lớn các tài nguyên sẽ thuộc về Trung Quốc.

*4) Ông có bình luận gì về thời điểm Việt Nam chọn gửi công hàm 30/3 lên LHQ?*

Thời điểm đệ trình công hàm 30/3 có mấy đặc điểm: *Thứ nhất*, chính quyền hành động rất kịp thời. Nếu để muộn hơn, sẽ không nêu được lập trường về một vấn đề hệ trọng phải lên tiếng – theo nguyên tắc “trước sau như một” (estoppel) – đối với sai trái của Bắc Kinh. Như thế ta đánh mất cơ hội khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền của mình trên Biển Đông.

*Thứ hai*, nếu gửi sớm hơn, ta không còn cơ hội có tiếng nói sau cùng. Ta tính trước được ý đồ của Bắc Kinh. Trung Quốc sẽ ra công hàm với những luận điệu “lập lò đánh lận con đen” như nhiều lần trước đây. Vì vậy, ta chờ cho đến khi Trung Quốc gửi công hàm 23/3, sau đó một tuần, Việt Nam mới có công hàm 30/3 để đáp trả.

*Thứ ba*, giải toả phần nào sức ép của xã hội. Đây là lúc rút ngắn một phần khoảng cách giữa người dân với chính quyền trong quan hệ với Trung Quốc, kéo dài bức xúc sẽ bất lợi. Sau khi gửi công hàm, chính quyền lên án Trung Quốc trong việc đâm chìm tàu cá Quảng Ngãi. Báo Nhân Dân đăng toàn văn Tuyên bố người phát ngôn. Tất cả những “điểm rơi” ấy đều đúng lúc.

5) *Nhiều dấu hiệu gần đây cho thấy Trung Quốc tiếp tục tăng cường sức mạnh quân sự ở Biển Đông, bất chấp đại dịch Covid-19. Ông bình luận gì về cách hành xử này của ban lãnh đạo Bắc Kinh?*

Thế giới sốc nặng. Dư luận lên án mạnh mẽ các hoạt động của Trung Quốc đẩy mạnh quân sự hoá trên Biển Đông: mở rộng tập trận, xây thêm các trạm nghiên cứu, điều máy bay chiến đấu, máy bay vận tải cỡ lớn ra đảo, đẩy mạnh khai thác tài nguyên, đâm chìm các tàu cá của Việt Nam. Những hành động này nhằm khẳng định yêu sách phi pháp và gây bất lợi cho các nước láng giềng Đông Nam Á tại Biển Đông.

Với “ngoại giao coronavirus” theo “tam chủng chiến pháp” (tâm lý, pháp lý và dư luận), Trung Quốc lợi dụng lúc Mỹ và châu Âu đang bận đối phó với Covid-19 để trục lợi. Trung Quốc đánh tráo các hình ảnh, cố viết lại câu chuyện nguồn gốc coronavirus, và về lâu dài, họ quyết tranh giành vai trò lãnh đạo thế giới với Mỹ.

Thế giới đều đang lo dập dịch, cứu sinh mạng từng con người bị lây nhiễm. Việt Nam và các nước đều san sẻ khó khăn với Vũ Hán. Trong khi đó, Trung Quốc lại ra lệnh cho hải cảnh đâm chìm tàu ngư dân Việt Nam, rồi vu oan giá hoạ, tàu gỗ Việt Nam “lao thẳng” và “đâm” vào tàu chiến Trung Quốc (!?)

Có thể bình luận gì về thái độ lật lọng, xảo trá và ngang ngược cũng như hành động man rợ như vậy? Nó quá xa lạ với thế giới văn minh!

Bắc Kinh tưởng có thể “múa gậy vườn hoang” nhưng có tin là Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Úc (Bộ tứ) sẽ có cuộc họp chung để trao đổi nhận thức mới của mỗi bên, đánh giá Trung Quốc là kẻ thù chứ không còn là đối thủ cạnh tranh chiến lược nữa. Quốc hội Mỹ kêu gọi phải áp dụng Đạo luật Tái hậu thuẫn châu Á (ARIA) đối với những hành động phi pháp của Bắc Kinh.

Về việc Trung Quốc cho hải cảnh đâm chìm tàu cá của Việt Nam và điều võ dương oai “động binh” trên Biển Đông, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và Quốc hội Mỹ đã nhất loạt bày tỏ “quan ngại sâu sắc”, phê phán “những hành động của Trung Quốc là trái ngược với tầm nhìn của Mỹ về khu vực Ấn Thái Dương tự do và rộng mở” (FOIP). Mỹ cam kết “tiếp tục nỗ lực hỗ trợ đồng minh và những nước đối tác đảm bảo tự do hàng hải”.

Philippines nhắc lại ngư dân của nước này cũng từng là nạn nhân của Trung Quốc và cảm ơn Việt Nam đã cứu vớt các ngư phủ Philippines.

*6) Công hàm 30/3 liệu có phải là một bước đệm để chính phủ Việt Nam sẽ kiện Trung Quốc ra các tòa quốc tế? Đây là những điều kiện cần và đủ để có thể tiến đến một hành động pháp lý mạnh mẽ và nhất quán để bảo vệ độc lập, chủ quyền đối với các vùng biển đảo của ta?*

Sẽ còn cần nhiều bước đệm khác nữa trước khi có thể tiến hành một vụ kiện hoặc song phương hoặc đa phương. Kiện Trung Quốc là cả một vấn đề đại sự, đại sự nhưng không phải là bất khả thi trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế như hiện nay.

Qua chống Covid-19, Việt Nam được sự đồng cảm của thế giới tiến bộ. Lần này, đệ trình công hàm lên LHQ, chúng ta càng có cơ hội làm sáng tỏ chính nghĩa. Khi có chính nghĩa, càng được sự ủng hộ của nhân loại văn minh. Qua đại dịch Virus corona, chúng ta thấy, chưa bao giờ thế giới cần một trật tự quốc tế đặt trên căn bản của luật pháp như lúc này.

Điều kiện cần là chúng ta phải có tư duy đột phá, phải dám khai phóng về tư tưởng. Phải vượt thoát các khuôn hiệu “hảo huyền” xưa nay. Luôn nhớ rằng, trước đại dịch, thế giới đã kinh hoàng về đại nạn “chết dưới bàn tay Trung Quốc”. Sau đại dịch và sau các cuộc tranh luận về “quốc tịch” con virus Vũ Hán thì Trung Quốc sẽ là nỗi ám ảnh lâu dài đối với phần còn lại của nhân loại. Chúng ta sẽ không cô độc!

Điều kiện đủ là tăng cường nội lực để đất nước thực sự độc lập, tự cường. Hoạch định và thực hiện rõ ràng chiến lược tổng thể xây dựng đất nước, trong đó sớm đổi mới thể chế, đẩy mạnh dân chủ hoá, tôn trọng xã hội dân sự, xây dựng kinh tế biển hợp lý. Hoàn thiện hệ thống đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với các nước, nhất là các thành viên ASEAN nhằm phát huy sức mạnh thời đại trong không gian Ấn Thái Dương tự do và rộng mở.

Mọi chuyện phải dụng công, đặc biệt chú ý mở rộng nội hàm của khái niệm hội nhập để thúc đẩy các quan hệ sâu rộng với thế giới dân chủ. Được thừa hưởng những án lệ quốc tế, được hỗ trợ từ công pháp quốc tế trong đấu tranh thì chúng ta phải tôn trọng các giá trị phổ quát mà LPQT quy định chung cho mọi quốc gia.

Không được quên chính sách của Trung Quốc: “Thuận ngã giả xương, nghịch ngã giả vong” (Theo ta thì được tốt đẹp, chống lại thì ta cho chết). Cho nên cuộc chiến đấu còn dài, chưa biết được đâu là hiệp cuối, nhất là trên mặt trận pháp lý. Nhưng một khi đã bước được một bước lên đường, ắt sẽ có những bước tiếp theo, dần tới thì nhất định sẽ đến được đích!

*7) Ông đánh giá thế nào về khả năng và giới hạn của LPQT trong vấn đề giải quyết tranh chấp với Trung Quốc về biển đảo hiện nay?*

Giới chuyên gia đã tổng kết, 90% tranh chấp quốc tế ngày nay đều được giải quyết qua đàm phán và tranh tụng. Trong các tranh chấp về chủ quyền biển đảo, tỷ lệ này thấp hơn, nhưng các dàn xếp xung đột lợi ích tại các cơ quan tài phán quốc tế bao giờ cũng chịu những tổn phí thấp nhất.

Dùng các công cụ LPQT để giải quyết tranh chấp với Trung Quốc là một khả năng ngày càng thực tế. Từ cuối năm ngoái, phát ngôn ở cấp Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Việt Nam đã tuyên bố là sẽ giải quyết các bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trong đó không loại trừ khả năng đưa ra cơ quan tài phán quốc tế.

Biển Đông là nơi có thể kiểm chứng mức độ thượng tôn pháp luật của các nước, hiệu quả của LPQT, nhất là UNCLOS-1982. Biển Đông sẽ là nơi thử thách tính hiệu lực của công pháp quốc tế, rằng một nước, bất kể lớn hay nhỏ đều cần phải tuân thủ luật pháp.

Đây cũng là nơi để tăng cường hợp tác, nhất là hợp tác đa phương, thúc đẩy áp dụng UNCLOS-1982, để đi đến Bộ Quy tắc Ứng xử (COC). Hy vọng, khi tất cả các nước tôn trọng Công ước, nhất là những nước đã ký và phê chuẩn, như Trung Quốc, thì trật tự, hòa bình, ổn định trên biển có thể được duy trì.

Còn ý kiến cho rằng LPQT có vai trò hạn chế trong tranh chấp chủ quyền là chưa xác đáng.

Cần nhận thức rõ, LPQT là cơ sở – chỉ là cơ sở – nhưng là cơ sở rất quan trọng để các quốc gia liên quan giải quyết các tranh chấp về chủ quyền trên biển. Đối với ta, vai trò của LPQT đến đâu, tích cực và tiêu cực như thế nào, tùy thuộc vào năng lực, bản lĩnh của lãnh đạo trong việc vận dụng LPQT để bảo vệ chủ quyền và các lợi ích trên biển của dân tộc Việt Nam./.